



Văn phạm JLPT N3/N4

～のに



Cách dùng để Đánh giá,
Công dụng và Sự cần thiết

Hướng dẫn ngữ pháp bỏ túi cho người học tiếng Nhật



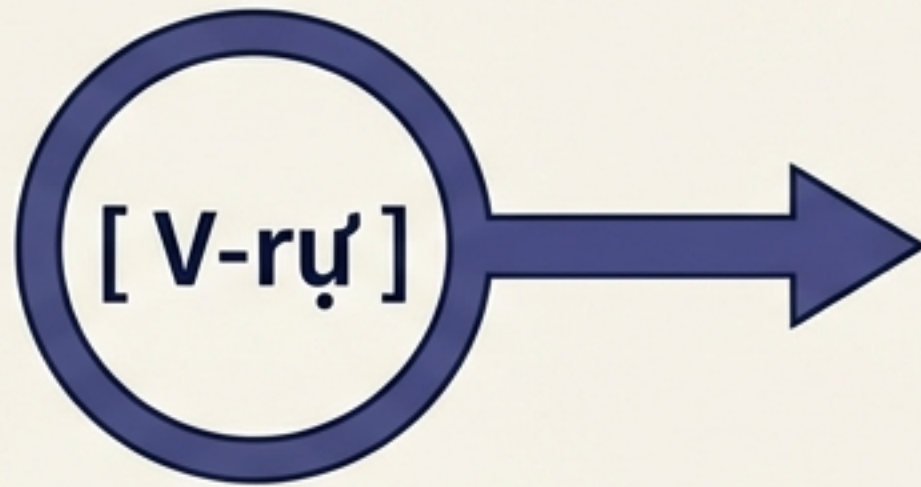
Câu ví dụ chủ chốt

このかばんは重い荷物
を運ぶのにいいで
す

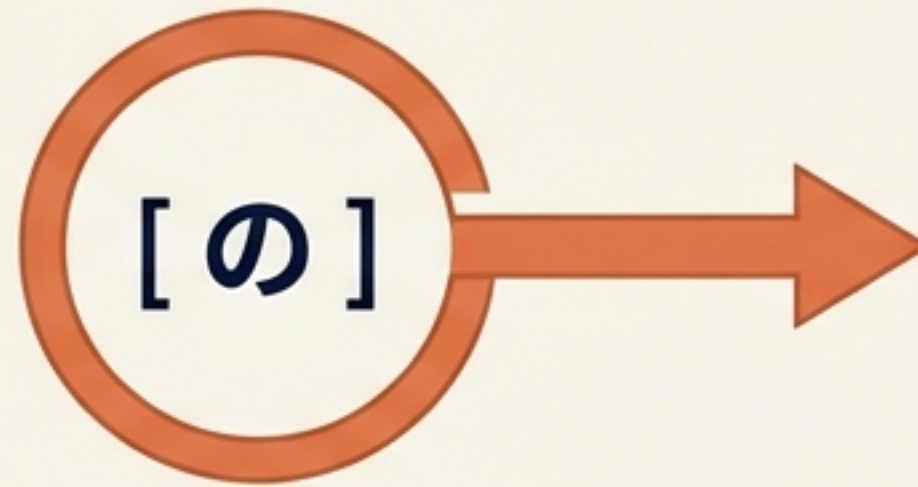
Cái cặp này **tốt cho việc** mang
hành lý nặng.

Tại sao chúng ta dùng 「のに」 ở đây mà không phải là các trợ từ khác? Bài viết này sẽ giúp bạn hiểu tường tận công dụng của mẫu câu này.

Giải phẫu cấu trúc: の + に

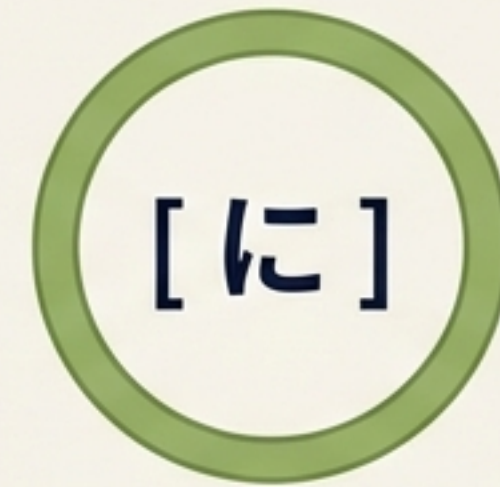


Verb dictionary form



Nominalizer

(Biến động từ thành danh từ)



Target/Purpose

(Mục đích/Đối tượng)



~のに = Để làm việc A thì... / Cho việc A thì...

Nó biến một hành động thành một chủ đề để chúng ta có thể đánh giá hoặc bàn luận về nó.

Công thức cấu tạo (Form)

Với Động từ (Verb)



V-rự (Từ điển) + の + に

使う (Tsukau) + のに

Không dùng thể Masu!

Với Danh từ (Noun)



Danh từ + に

買い物 (Kaimono) + に

Không có 'の'!

Khi nào thì dùng mẫu câu này?



1. Đánh giá (Evaluation)

Tiện lợi, tốt, hữu ích.



2. Công dụng (Use)

Dùng để làm gì.



3. Tiêu tốn (Cost)

Tốn thời gian, tiền bạc, cần thiết.

1. Dùng để Đánh giá (Evaluation)

- **Concept**

Nhận xét một vật/việc là tốt, xấu, hay tiện lợi cho mục đích cụ thể.

Keywords

いい (tốt), 便利 (tiện lợi),
役に立つ (có ích), 不便 (bất tiện)

このアプリは星を調べるのにいいです。

App này tốt cho việc tra cứu các vì sao.

スマホは連絡をとるのに便利です。

Smartphone tiện lợi cho việc giữ liên lạc.



2. Dùng để nói về Công dụng (Usage)

- **Concept:** Giải thích chức năng của một công cụ.

使います (Tsukaimasu - Sử dụng)

はさみは紙を切るのに使います。

Kéo dùng để cắt giấy.

このミキサーは材料を混ぜるのに使います。

Máy xay này dùng để trộn nguyên liệu.

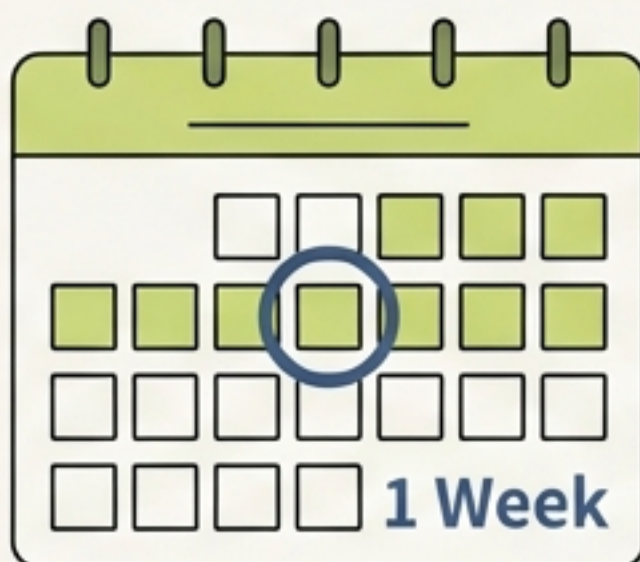


3. Dùng để nói về Sự cần thiết & Tiêu tốn

- Nói về thời gian, tiền bạc, nỗ lực cần thiết.

Keywords: かかります (tốn),
必要です (cần thiết)

Time/Money



時計を直すのに1週間かかります。

Tốn 1 tuần để sửa cái đồng hồ này.

Requirement



ビザを更新するのに3週間もかかります。

Tốn đến 3 tuần để gia hạn visa.

Động từ / Verb



買い物する (V) + の + に
買い物するのに便利です。

Có "の"

Danh từ / Noun



買い物 (N) + に
買い物に便利です。

KHÔNG có "の"

Quy tắc: Nếu là Danh từ, bỏ "no" và gắn trực tiếp "ni".

Phân biệt: ～のに vs. ～ために



～ために (Tameni)

Mục tiêu & Ý chí cá nhân.

日本へ行く**ために**、貯金します。
(Tiết kiệm để đi Nhật)



～のに (Noni)

Công dụng, Tính chất,
Sự cần thiết khách quan.

日本へ行く**のに**チケットが必要です。
(Cần vé cho việc đi Nhật)

Đừng nhầm lẫn!



Đừng nhầm với mẫu câu "Mặc dù... nhưng..." (Nghịch lý).

❌ **WRONG (Contrastive) usage:** 薬を飲んだのに、治りません。
(Dù đã uống thuốc nhưng không khỏi).

Bài học hôm nay CHỈ nói về MỤC ĐÍCH (Purpose).
Nếu câu kết thúc bằng từ đánh giá (tốt, tiện), đó là Noni mục đích.

Luyện tập: Tìm đồ vật phù hợp

Bạn đang chọn túi để đi làm.

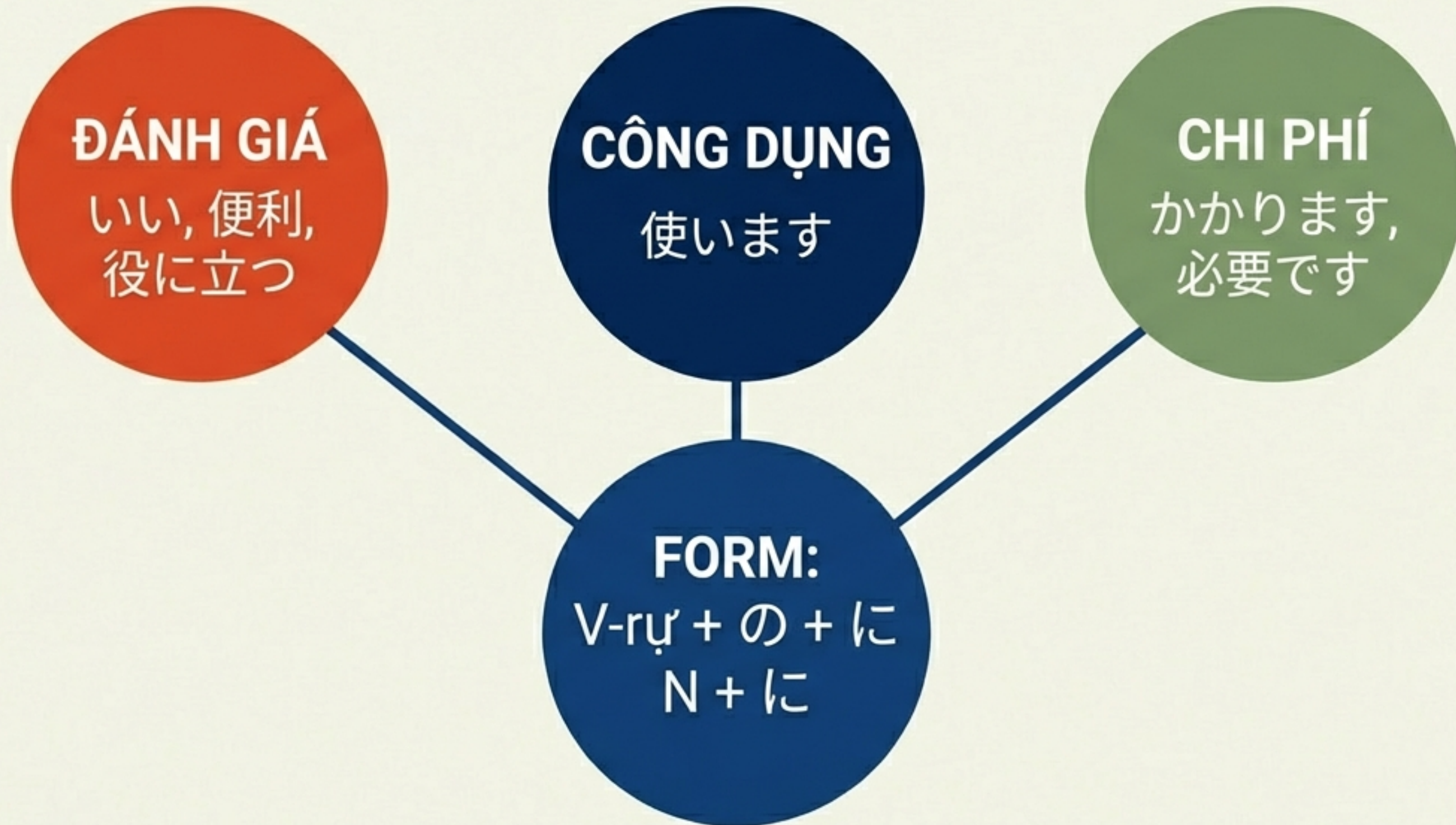


Túi này
+
Đựng tài liệu A4
+
Vừa vặn
(Choudo ii)

「このかばんはA4の資料を入れるのにちょうどいいです。」

Cái cặp này vừa vặn để đựng tài liệu A4.

Tổng kết (Cheat Sheet)



Lời khuyên cho bạn

Hãy nhìn xung quanh căn phòng của. Cái ghế này dùng để làm gì? Cái đèn có tiện không? Hãy thử đặt 3 câu với ~のに ngay nhé!



Chúc bạn học tốt!